

CỰU ƯỚC LƯỢC KHẢO

PHẦN I: TIẾP CẬN CỰU ƯỚC

LỜI GIỚI THIỆU

Kinh Thánh là lời của Đức Chúa Trời. Chữ “Kinh Thánh” đến từ hai từ Hy văn: “Tabilia” nghĩa là “quyển” các sách. Đây là một thành ngữ được sử dụng bởi các Cơ Đốc Nhân trong thời kỳ khoảng 150 S.C. Kinh Thánh bao gồm 66 sách: Cựu ước 39 sách và 27 sách trong Tân Ước. Vì vậy, Kinh Thánh là quyển sách của các quyển sách.

✂ DÀN Ý BÀI HỌC

I. TẠI SAO MỘT CƠ ĐỐC NHÂN CẦN PHẢI ĐỌC CỰU ƯỚC?

A. Chúng ta không thể hiểu được Tân ước nếu bỏ qua Cựu Ước (Ma-thi-ơ 1:1).

1. Học về Đa-Vít, chúng ta cần phải nghiên cứu Cựu Ước (I và II Sa-mu-ên).
2. Muốn tìm hiểu về Áp-ra-ham, chúng ta cần phải đọc sách Rô-ma.
3. Ma-thi-ơ 2:6 được trích dẫn từ Mi-chê 5:2.
4. Ma-thi-ơ 2:15 được trích dẫn từ Ô-sê 11:1.
5. Ma-thi-ơ 2:18 trích dẫn từ Giê-rê-mi 31:15.
6. Khi Chúa Jêsus bị ma-quỉ cám dỗ, ba lần Ngài phán: “Có lời chép rằng: ...”
 - a. Chúa Jêsus đã công nhận Cựu Ước có uy thần quyền Lời của Đức Chúa Trời. Là một Cơ Đốc Nhân chúng ta nhận thức về Cựu Ước như thế nào?
 - b. Trong các thư tín của sứ đồ Phao-lô luôn nói về “Luật Pháp”, như vậy luật pháp đó là luật pháp nào? Luật pháp đó được trích dẫn từ trong Kinh Thánh của người Do Thái đương thời.
 - c. Thư Hê-bơ-rơ đề cập vào mối quan hệ giữa giao ước cũ (Cựu Ước) và giao ước mới (Tân Ước).
 - d. Khải-huyền - sách cuối cùng của Tân Ước - là những bức tranh đầy những lời từ thời Đa-ni-ên, Ê-xê-chi-ên và Ê-sai.

B. Ý nghĩa chữ “Cựu Ước”

1. Đó là lời mô tả của Cơ Đốc Nhân về những quyển sách được Đức Chúa Trời ban cho người Do Thái quan hệ đến những lời Giao Ước Cũ mà Chúa đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên qua Môi-se ở núi Si-na-i.
2. Từ “giao ước” nghĩa là một hợp đồng đặc biệt ràng buộc giữa 2 người với nhau. Và trong lời giao ước cũ Đức Chúa Trời ràng buộc Ngài với dân Y-sơ-ra-ên.
 - Do đó, chúng ta không thể đạt được sự hiểu biết trọn vẹn về Tân Ước nếu bỏ qua Cựu Ước.

C. Những trích dẫn Cựu ước trong Tân Ước

1. Tân Ước có ít nhất 295 chỗ tham khảo đến Cựu Ước.

2. 224 lần mở đầu lời Chúa bằng câu “Có lời chép rằng” hoặc “Chúa phán”.
3. Bao gồm ít nhất là 278 đoạn văn thơ khác nhau được trích từ trong Cựu Ước.
4. Hơn 56 lần Tân Ước chỉ ra cho chúng ta biết Đức Chúa Trời là tác giả của Cựu Ước.
5. Có 41 lần câu mở đầu (ví dụ như: “Ngài phán”) là dùng thì hiện tại thường không dùng thì quá khứ.
 - Điều này có nghĩa là đó vẫn là lời Đức Chúa Trời ban cho chúng ta ngay tại thời điểm bây giờ.

Các số thống kê trên được tham khảo trong trang 137-138 sách “New Testament Use of the Old Testament in Revelation and the Bible, Grand Rapids, 1959, 1980.” Của tác giả Roger Nicole.

II. TẠI SAO TRONG CỰU ƯỚC MANG NHIỀU PHẦN LỊCH SỬ?

A. Tầm quan trọng của lịch sử

1. Đức Chúa Trời không hiển dương Ngài cho chúng ta như một đối tượng thuộc về ý tưởng triết học.
2. Ngài đến để cứu giúp chúng ta, Ngài đòi hỏi sự đáp lại của chúng ta.
3. Các câu chuyện lịch sử trong Cựu Ước là hình bóng cho biết phương cách Đức Chúa Trời đã giải thoát loài người như thế nào.
4. Lịch sử là sự biểu lộ vô tận của Đức Chúa Trời trong hành động, giải cứu, đoán xét, can thiệp vào trong đời sống của con người và số phận của dân tộc.
5. Karl Barth nói: “Sự suy gẫm về thần học hay rao giảng không xuất phát từ ý tưởng trừu tượng mà là phát xuất từ hành động hiện hữu của Đức Chúa Trời” (Karl Barth, Collins, 1958, P.31).
6. Một dân tộc nếu không có lịch sử thì giống như một người mắc bệnh mất trí
 - b. Tân Ước ẩn chứa trong Cựu Ước.
 - a. Cựu Ước được bày tỏ qua Tân Ước.
 - b. Kết quả của chúng ta ngày hôm nay là do những gì đã xảy ra của ngày hôm qua.
 - c. Công việc hôm nay là thành quả của ngày mai.

B. Cựu ước bao gồm nhiều thể loại văn chương.

1. Kinh Thánh bao gồm: lịch sử, thi ca, châm ngôn và lời tiên tri.
2. Kinh Thánh là một quyển sách thống nhất và có hệ thống không phải là một cuốn sách chứa đựng những quyển sách đồng dạng nhau.
 - Ví dụ: Một cây hoa có gốc, cuốn hoa, lá và tất cả là một cây chứ không phải là 3 cây. Nó gồm nhiều bộ phận khác nhau nhưng nó vẫn là chung một cây.
3. Kinh Thánh sử dụng nhiều văn phong khác nhau vì vậy chúng ta cần phải cẩn thận trong việc giải thích Kinh Thánh.

- Từ ngữ cần phải được làm sáng tỏ theo ngữ cảnh như: chương, sách, bối cảnh lịch sử, văn hóa, thể loại...
4. Phải luôn tự hỏi 2 câu hỏi mỗi khi đọc Cựu Ước.
 - a. Đoạn này muốn nói gì với người thời bấy giờ?
 - b. Và dạy dỗ điều gì cho chúng ta trong cuộc sống hôm nay?

III. CHỦ ĐỀ VỀ TÁC GIẢ TRONG KINH THÁNH CỰU ƯỚC

Trong tài liệu này chúng ta không đề cập được chi tiết. Ví dụ:

A. Trong trường hợp của A-mốt

Rõ ràng A-mốt là nhà tiên tri dưới thời vua Giê-rô-bô-am II vua dân I-sơ-ra-ên, 793-753 T.C.

B. Ở cách sách Thi-thiên

1. Rất phức tạp.
2. Một số sách tác giả là Đa-vít.
3. Một số khác tác giả là Asaph, những con trai của Coran.
4. Họ chọn thêm 5 sách và cộng vào nhau và ngày nay ta gọi chung là Thi-thiên.
5. Chúng ta nhận thấy một tiến trình tương tự như trong sách Châm-ngôn.

C. Giô-suê 10:12,13, có một bài thơ ngắn được trích trong sách Gia-sa,

1. Ngày nay quyển sách đó không còn nữa.
2. Quyển sách đó được người Do thái biết đến trong thời Giô-suê.
3. Như vậy, không có nghĩa là chúng ta mất đi một phần của Kinh Thánh.
4. Nhưng nó mang một ý nghĩa, Kinh Thánh đã biểu hiện phần nào của nền văn hóa và chúng ta phải trông đợi được nhận thấy và nghe nét đặc trưng văn hóa lúc bấy giờ.

D. Ngũ Kinh, 05 sách đầu tiên của Kinh Thánh.

1. Có nhiều điều tranh cãi về ngày và tác giả của Ngũ Kinh.
2. Chúng ta cũng không có thì giờ để nói nhiều chi tiết hơn tại đây.

E. Chúng ta không có khả năng xem tất cả sách trong Cựu Ước ở trong môn học này.

- Cựu Ước giống như một dinh thự có nhiều phòng. Chúng ta không thể trông mong thám hiểm được mọi phòng. Nhưng ngay bây giờ chúng ta có thể bước vào trong toà nhà.

IV. CẤU TRÚC CỦA CỰU ƯỚC

A. Kinh Cựu Ước sắp xếp theo tên và số của sách theo bản Latin Vulgate và theo bảng Hy văn Septuagint (LXX).

1. Sách Ngũ Kinh còn mang nghĩa “Năm cuộn sách” gồm:
 - a. Sáng, Xuất, Lê-vi Ký, Dân-số Ký và Phục-truyền.
 - b. Tên của mỗi sách đã gọi lên được nội dung của nó.

2. Các sách Lịch sử gồm:
 - Giô-suê, Các Quan Xét, Ru-tơ, I Sa-mu-ên, II Sa-mu-ên, I Các Vua, II Các Vua, I Sử -ký, II Sử-ký, Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi, Ê-xơ-tê.
3. Các sách tiên tri lớn gồm:
 - a. Ê-sai, Giê-rê-mi, Ca-thương, Ê-xê-chi-ên và Đa-ni-ên.
 - b. Từ “lớn” này căn cứ vào kích thước chứ không phải do tầm quan trọng của nó.
 - c. Sách Ca-thương được sắp xếp là do các sự thuật lại trong sách này có quan hệ đến Giê-rê-mi.
4. Các sách Tiên Tri nhỏ gồm:
 - Ô-sê, Giô-ên, A-mốt, Áp-đia, Giô-na, Mi-chê, Na-hum, Ha-ba-cúc, Sô-phô-ni, A-ghê, Xa-cha-ri và Ma-la-chi.
5. Giữa các sách tiên tri lớn và nhỏ đó là các sách văn thơ:
 - a. Nó có nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau.
 - b. Nó được đặt sau các sách lịch sử và trước các sách tiên tri.
 - c. Bao gồm: Thi-thiên, Châm-ngôn, Nhã-ca, Gióp và Truyền-đạo.
 - d. Trong này ta thấy được các thể loại lịch sử, thi ca và các lời tiên tri.

B. Người Do Thái đã sắp xếp Kinh Cựu Ước theo cách của họ.

1. Các sách Ngũ Kinh (5 sách của Môi-se), luật pháp/ Torah.
2. Các sách tiên tri:
 - a. Các sách tiên tri trước gồm: Giô-suê, Các Quan Xét, Sa-mu-ên và Các Vua.
 - b. Các tiên tri sau gồm: Ê-sai, Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên, các sách của 12 tiên tri.
3. Các quyển: Thi-thiên, Châm-ngôn, Gióp, 5 cuộn sách da (Nhã-ca, Ru-tơ, Ca-thương, Truyền-đạo, Ê-xơ-tê), Đa-ni-ên, Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi, sách các niên đại.

Chúa Jêsus cũng đã sử dụng cấu trúc này của người Do Thái. Trong những bài học tới chúng ta sẽ tìm hiểu Chúa Jêsus sử dụng Kinh Thánh Cựu Ước như thế nào.

THẢO LUẬN NHÓM

1. Cựu Ước có cùng uy quyền giống như Tân Ước không?
2. Thảo luận lý luận của các câu trả lời của bạn.
3. Tại sao một số câu trích dẫn từ Cựu Ước trong Tân Ước sử dụng thời hiện tại thay vì phải dùng thời quá khứ?
4. Thảo luận tầm quan trọng của lịch sử đối với mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời với loài người, thành phố, và dân tộc trong Kinh Thánh.

TỰ NGHIÊN CỨU

Học thuộc lòng mục lục và cách phân chia cấu trúc của Cựu Ước.

CỰU ƯỚC LƯỢC KHẢO

PHẦN 2: THỨ TỰ CỦA KINH THÁNH VÀ SỰ SÁNG TẠO

LỜI GIỚI THIỆU

Trong phần cuối của bài trước, chúng ta đã đề cập tới thứ tự của các sách trong Cựu Ước. Ở thời của Chúa Jêsus, người Do Thái cũng sử dụng những sách như vậy nhưng cách phân chia và sắp đặt thì hơi khác.

Chúng ta hãy xem một vài câu Kinh Thánh trong Tân Ước được tạo ra có nói về Cựu Ước.

- Lu-ca 24:27 “Đoạn, Ngài bắt đầu từ **Môi-se** rồi kể đến **mọi đấng tiên tri** mà cắt nghĩa cho hai người đó những lời chỉ về Ngài trong **cả Kinh Thánh.**”
- Lu-ca 24:44 “Đoạn Ngài phán rằng: Ấy đó là điều mà khi Ta...”

Trong thời Chúa Jêsus, Kinh Thánh của người Do Thái là tất cả các sách trong Cựu Ước của chúng ta ngày nay

Nhưng họ sắp xếp theo một thứ tự khác. Họ chia làm 3 nhóm. Nhóm đầu tiên gọi là các sách LUẬT PHÁP (ngũ kinh của chúng ta) từ Rô-ma đến Phục, họ gọi là Torah.

Nhóm thứ hai họ gọi là CÁC TIÊN TRI chia làm 2 phần:

- Các tiên tri cũ và các tiên tri mới. Bao gồm từ sách Giô-suê đến Các Vua và Ê-sai đến Ma-la-chi ngoại trừ sách Đa-ni-ên.

Cuối cùng là các sách văn chương từ Gióp đến Châm-ngôn, 5 cuộn sách da, Nhã-ca, Ru-tơ, Ca-thương, Truyền-đạo và Ê-xơ-tê. Theo đó cũng có sách Đa-ni-ên, Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi và các sách Sử-ký.

Trong Tân Ước đều có trích dẫn trong 3 nhóm sách này của Cựu Ước, 94 từ sách Ngũ Kinh, 99 từ sách Tiên-tri và 85 từ các sách Văn-chương.

- Lu-ca 11:51: “Là từ huyết A-bên cho đến huyết Xa-cha-ri...”
- Sự chết của A-bên – Rô-ma 4:8 - quyển sách luật lệ đầu tiên của người Do Thái.
- Sự chết của Xa-cha-ri - II Sử ký 24:20 - quyển sách luật lệ cuối cùng của người Do Thái.

Chúa Jêsus công nhận sự toàn vẹn của Kinh Thánh Cựu Ước là Lời của Đức Chúa Trời. Tại sao điều này quan trọng như vậy?

Chúng ta không nhất thiết phải theo cấu trúc sắp xếp Kinh Thánh truyền thống của người Do Thái vì một điểm duy nhất sau:

- Chúa Jêsus không phải thừa nhận chi tiết cấu trúc của Kinh Thánh mà là Ngài thừa nhận toàn bộ Kinh Thánh là lời của Đức Chúa Trời.

✂ DÀN Ý BÀI HỌC

I. CÁC BẢN CỔ SAO

Chúng ta có thể tin chắc rằng các bản dịch Kinh thánh trong tay chúng ta hay các bản dịch Kinh Thánh bằng các ngôn ngữ khác nhau trên thế giới đúng là Lời của Đức Chúa Trời không?

Rất chắc, vì chúng ta có thể đối chiếu bản dịch Kinh Thánh của chúng ta với bản Kinh Thánh cổ của người Do Thái hoặc các bản chép tay tiếng Hy-văn cổ.

A. Các thầy thông giáo đã rất công phu để giữ đúng bản Kinh Thánh bằng tiếng Hê-bơ-rơ.

1. Người Do Thái rất kính sợ Đức Chúa Trời và họ hoàn toàn nhận thức trong tâm trí của họ rằng đây là lời của Đức Chúa Trời do đó không bao giờ dám thay đổi một nét nào trong nguyên bản có được.
2. Ví dụ: “Họ đếm số lần xuất hiện của mỗi chữ theo vần chữ cái; họ lấy chữ giữa mỗi sách làm điểm phân cách và chữ giữa Kinh Thánh làm điểm phân cách của họ...” F.F. Bruce, *The Books and the Parchments*. London, 1984, 1991.P.108.
3. Bạn có thể tưởng tượng nổi một người nào đó toàn thể Kinh Torah và đếm kỹ bao nhiêu mẫu tự và sau đó trong bản dịch mới trong tay mình, dò lại, đếm lại xem mình có vô tình bỏ sót một (Từ giữa trong Lê-vi Ký 10:16; chữ giữa trong Lê-vi Ký 11:42).
4. Kethib-qere: Khi người sao chép gặp phải một bản dịch hơi khác nhau ông ta để đặt phần đó trở lại trong nguyên bản (Kethib) và chép lại chỗ bị thay đổi ngay bên lề trong mỗi phần của nguyên bản. (Cần đối chiếu nhiều bản Kinh Thánh khác nhau-ND).
5. Họ đã thành công tốt đẹp đến chừng nào?

B. Bản cổ sao “Biển Chết”

Bản cổ sao “Biển Chết” được phát hiện năm 1947, bản này cổ xưa 1000 năm hơn, cổ nhất đang được cất giữ trong viện bảo tàng. Vậy mà các bản Kinh Thánh của người Do Thái hầu như đúng với bản dịch này. Như là bạn mới mua từ một cửa hiệu có một số từ ngữ và cụm từ khác nhau trong cách đánh vần nhưng về cơ bản thì giống nhau. Bản cổ sao “Biển chết” bao gồm toàn bộ sách Ê-sai và các phần của Cựu Ước ngoại trừ Ê-xơ-tê.

Có tất cả 190 cuốn sách bằng da tìm thấy trong 11 hang động khác nhau. Nó chứa đựng 20 mẫu thuộc Rô-ma, 14 của Xuất, 17 của Phục, 34 của Thi-thiên, đoạn 20 và 24 của Ê-sai. Chứa đựng trong đó có các mẫu bằng tiếng Hê-bơ-rơ: 3 của Rô-ma, 1 của Xuất Ê-díp-tô Ký, 2 của Phục.

Điều này bày tỏ rằng Cựu Ước, không hề thay đổi, điều này đã được Tân Ước minh chứng.

C. Các bản dịch

1. Dịch theo nghĩa đen hoặc theo chức năng tương đương.
2. Các phiên bản: bản dịch 70, Sách ngũ kinh của người Sa-ma-ri, Targums của người Xy-ri, bản Peshitta của người Xy-ri cổ.
3. Bản dịch 70 là bản cổ nhất được dịch từ bản viết tay mà nay không còn bản nào.

Chúng ta có tất cả mọi bằng chứng hiển nhiên để xác minh.

II. SỰ SÁNG TẠO VÀ SỰ SA NGÃ

A. Sự sáng tạo

1. Đức Chúa Trời là Đấng Sáng Tạo. Cả vũ trụ đã được dựng nên theo sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời.
 - a. Đức Chúa Trời không phải là một linh hồn vũ trụ, không phải là quyền lực không có thân vị. Ngài không phải dựa vào vũ trụ hay bất cứ một điều gì trong đó.
 - b. Tạo vật là kết quả của kế hoạch khôn ngoan của Đức Chúa Trời mà Ngài tạo nên theo chính quyền năng của Ngài.
 - c. Theo Saint Basil, “Việc đo lường của đại dương trong một chiếc cốc nhỏ còn dễ dàng hơn là nắm bắt sự vĩ đại của Đức Chúa Trời trong tâm trí loài người.
 - d. Nhưng Đức Chúa Trời không phải đem cả đại dương vào trong một chiếc cốc mà là đặt chiếc cốc vào trong đại dương.

2. Sáng-thế Ký 1

Chữ “bara” (Sự tạo dựng) trong câu 1, 21, 27.

- Loài người được dựng nên trong sự khôn ngoan, tính nhận thức (self-aware), có khả năng nhận biết cõi siêu nhiên (Supernatural capacity), có ý thức đạo đức, tính xây dựng, có kế hoạch, vẽ, làm thơ, âm nhạc, sáng tạo, biết suy nghĩ, tính triết lý.

THẢO LUẬN NHÓM

Chúng ta có thể tin chắc Kinh Thánh Cựu Ước là Lời của Đức Chúa Trời cách người Do Thái và Chúa Giê-xu Christ tin cậy đó là lời Đức Chúa Trời không? Thảo luận câu hỏi này và trưng dẫn những chứng cứ.

TỰ NGHIÊN CỨU

Liệt kê 3 câu Kinh Thánh Chúa Giê-xu trích dẫn từ 3 phần của Cựu Ước được ghi lại trong Tân Ước.

1. Từ sách Luật pháp:
CÂU TRÍCH DẪN:
2. Từ các sách Tiên tri:
CÂU TRÍCH DẪN:
3. Từ các sách Văn thơ:
CÂU TRÍCH DẪN:

CỰU ƯỚC LƯỢC KHẢO

PHẦN 3: HÌNH ẢNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ SỰ SA NGÃ

LỜI GIỚI THIỆU

Trong bài học trước, chúng ta dừng lại ở sự tạo dựng của Đức Chúa Trời giống như hình ảnh của Đức Chúa Trời như thế nào. Loài người có tính nhân bản và như đàn ông, đàn bà có nhiều đặc tính riêng. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời xem loài người như tạo vật có tâm linh.

I. LOÀI NGƯỜI LÀ HÌNH ẢNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

- Điều gì làm cho loài người khác với các động vật?

A. Loài người có trí tuệ khôn ngoan vượt xa các động vật khác

1. Con người có sự hiểu biết và chính mình và môi trường chung quanh.
2. Con người là nhà kiến trúc, nhà kế hoạch, họa sĩ, nhà thơ, nghệ sĩ, sáng tạo, nhà tư tưởng, nhà triết học.
3. Con người nhận biết sự hữu hạn của mình, đó là mình có giới hạn.
4. Nhưng con người cũng biết có một Đức Chúa Trời vô hạn

B. Loài người có ý thức đạo đức

- Loài người phân biệt được đúng và sai.

C. Loài người có khả năng siêu nhiên

- Để loài người kinh nghiệm sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

D. Loài người không được dựng nên làm một thọ tạo sa ngã gian ác.

1. Đức Chúa Trời dựng trong con người một khả năng để đáp ứng với Ngài.
2. Loài người có quyền nói “vâng” hoặc “không”.
3. Khả năng này là phẩm giá cao nhất của con người.

II. SỰ SA NGÃ CỦA LOÀI NGƯỜI.

A. Sa-tan đã trỗi dậy trong con người và Đức Chúa Trời.

1. “Đức Chúa Trời có phán như vậy ư”.
2. “Người (con người) chắc chắn không bao giờ chết”.

B. Phẩm chất của sự vâng lời bao hàm một mức độ tự do của ý chí.

- Bạn muốn thế nào? Là con trẻ hay một người máy?

C. Khái niệm về tính cách cá nhân.

1. Bạn mô tả tính cách cá nhân của mọi người là như thế nào?
2. Điều này có 2 cách hiểu khác nhau:
 - a. Theo thế giới Tây Phương: Chủ nghĩa cá nhân.
 - b. Các phần khác trên thế giới: Tính phụ thuộc lẫn nhau.
 - c. Tính cách cá nhân của chúng ta trong A-đam: Tính cách cá nhân của chúng ta trong Christ: Rô-ma 5:19.

“Bởi sự không vâng lời của một người mà mọi người trở nên tội nhân, nhưng bởi sự vâng lời của một người mà mọi người trở nên công bình” (Như Rô-ma 5:12, 15, 17-19; 6:3-5, 10, 23).

- i. Khi chúng ta tiếp nhận Đấng Christ là Chúa chúng ta, chúng ta được đồng hoá với Ngài và cộng đồng con dân của Ngài.
- ii. Tuy nhiên, điều này không cất đi trách nhiệm về đạo đức cá nhân của mình. (Ê-xê-chi-ên 18:20).
- iii. Để chúng ta tự chọn lựa. Sự lựa chọn như tính đồng nhất đối với một dân tộc nổi loạn và đã có sự hiệp ước với Đức Chúa Trời.
Đây là vấn đề của sự lựa chọn. Từng cá nhân chọn lựa được về một dân bội nghịch hay là thuộc về những người trung thành với giao ước với Đức Chúa Trời.

D. Tội lỗi ngày càng lan tràn.

- Trong thế hệ kế tiếp tội lỗi gia tăng.
 1. Ca-in giết A-bên em mình.
 - a. Khi mối liên hệ hàng dọc giữa loài người và Đức Chúa Trời đã bị phá vỡ, thì mối liên hệ hàng ngang giữa con người với nhau cũng bị phá vỡ.
 - b. Câu hỏi đầu tiên trong Kinh Thánh: Rô-ma 3:9 so sánh với Rô-ma 4:9.
 2. Sự phán xét của cơn lụt (Sáng 6-9)
 - a. Những người vâng lời Đức Chúa Trời được cứu.
 - b. Những người không vâng lời phải ở dưới sự phán xét của Đức Chúa Trời.

THẢO LUẬN NHÓM

Thảo luận trong nhóm nhỏ của bạn:

1. Phẩm chất cao nhất so với các loài thọ tạo khác mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta.
2. Sự sa ngã của con người vào tội lỗi liên hệ tác động đến tính cách cá nhân của chúng ta.
3. Công việc cứu chuộc của Đấng Christ đã làm gì cho tính cách cá nhân của chúng ta với Ngài.

TỰ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu Sáng-thế Ký đoạn 3 và tóm tắt những hậu quả của sự gặp gỡ con người với Sa-tan trong mối liên hệ của người với Đức Chúa Trời.

1. Câu hỏi của Sa-tan (Sáng 3:1)
2. Sự nói ngược của Satan (Sáng 3:4-5)
3. Sự chọn lựa của con người (Sáng 3:6-8)
4. Câu hỏi của Đức Chúa Trời (Sáng 3:9,11)
5. Câu trả lời của loài người (Sáng 3:10, 12, 13)
6. Hậu quả của con người (Rô ma 5:19)
7. Phương thuốc cứu chữa (Rô ma 5:19)

CỰU ƯỚC LƯỢC KHẢO

PHẦN 4: THÁP BA-BÊN VÀ ÁP RA HAM: KHÁI NIỆM CỦA GIAO ƯỚC

LỜI GIỚI THIỆU

Trong bài này, chúng ta sẽ đọc Sáng-thế Ký từ chương 11 trở đi. Trong bài trước, chúng ta đã chú ý vào mối liên hệ giữa con người và Đức Chúa Trời. Một vài người trong số họ có mối liên hệ vâng lời và được Đức Chúa Trời làm bạn. Một số người khác thì có mối quan hệ không vâng lời và ngược lại. Tội lỗi to lớn nhất của con người là tự mình định đoạt điều đúng và sai. Loài người luôn tự hỏi: “Tại sao Đức Chúa Trời luôn định đoạt cho tôi?”

Trong Sáng-thế Ký đoạn 11, có một ví dụ cho vấn đề này. Đó là câu chuyện Tháp Ba-bên.

✂ DÀN Ý BÀI HỌC

I. THÁP BA-BÊN.

- Tất cả đoạn này là một cuộc chơi chữ bằng tiếng Hê-bơ-rơ.

A. Từ “Bael”.

“Bab” là cái cổng, “el” là Đức Chúa Trời.

- Vì thế, “Bab-el” là “cổng dẫn đến trời”.

B. Từ “Balal” – nghĩa là “sự lộn xộn” (Sáng-thế Ký 11:4).

1. Nơi đây, họ đang tập trung tâm trí của họ vào những gì mà họ phải xây dựng nên để làm rạng danh mình.
2. Ở vùng Mê-sô-bô-ta-mi cổ đại, có những tháp gạch gắn liền với sự thờ lạy hình tượng như là: thuật chiêm tinh là công việc mà đoán biết về tương lai và điều khiển tương lai.
3. Cuối cùng, điều mà họ đang cố gắng làm là để được trở thành Đức Chúa Trời (họ muốn bằng Đức Chúa Trời).
4. Hậu quả là sự trừng phạt của Đức Chúa Trời kết thúc bằng sự lộn xộn (Rô-ma 11:9).

Một lần nữa, chúng ta thấy một tình trạng khi giữa loài người bất tuân với Đức Chúa Trời theo mối tương quan chiều đứng thì hậu quả là sự lộn xộn theo mối tương quan chiều ngang.

II. CÂU CHUYỆN ÁP- RA-HAM

A. Bối cảnh.

1. Áp-ra-ham quê ở một vùng không xa tháp Ba-bên.
2. Ngày nay vùng này được gọi là I-rắc.

3. Hành trình của ông (Sáng-thế Ký 11: 31).

B. Thời đại và dân tộc của Áp-ra-ham.

1. Thời đại trung cổ đồ đồng II (2000-1800 TC).

Giô-suê 24:2.

- “Giô-suê nói cùng cả dân sự rằng: Giê-hô-va Đức Chúa Trời Y-sơ-ra-ên có phán như vậy: Tổ phụ các người, là Tha-rê, cha của Áp-ra-ham, và Na-cô, thuở xưa ở phía bên kia sông, và hầu việc các thần khác. Nhưng ta chọn Áp-ra-ham, tổ phụ các người, từ phía bên kia sông, khiến người đi khắp xứ Ca-na-an”.

2. Sáng-thế Ký 12. Sự kêu gọi ra khỏi U-rơ. Nannar/Sin.

- “Nannar” hay “Sin” là thần mặt trăng mà dân chúng thờ phượng như là vị thần kiểm soát toàn xứ.

3. Sáng-thế Ký 15:6 Đức tin của Áp-ra-ham.

- Ông tin cậy vào (nuông dựa vào) Đức Chúa Trời, và Ngài kể sự đó là công bình cho ông.
- Đức tin của Áp-ra-ham như là một cuộc hành trình, đi từng bước.

4. Luyện tập sự nhận làm con nuôi và những lý do (Sáng-thế Ký 15:1-3).

Bảng đá từ Nuzi ở Mê-sô-bô-ta-mi, thời đại trung cổ hoàng kim thứ hai TC.

- “Tư liệu được nhận làm con nuôi (bảng luật) của Nashwi, con trai Arshenni: Na-si đã nhận Wullu làm con nuôi, con trai của Puhi-shenni. Chẳng nào mà Nashwi còn sống, Wullu sẽ cung cấp cho ông thức ăn và quần áo. Khi Nashwi chết, Wullu sẽ được kế nghiệp.”

C. Lập giao ước cùng Áp-ra-ham.

1. Sáng-thế Ký 15:18, giao ước với một lời thề nguyện tự rửa sả.

2. Chữ “giao ước” là “berith” trong tiếng Hê-bơ-rơ và ràng buộc mọi người lại với nhau.

3. Giê-rê-mi 34:18.

4. Những lời hứa nguyện trung thành của dân Hê-tít. Giê-sa-bên. Người La-mã và Albans. Hannibal.

5. Thể thức của lời hứa nguyện: “Nếu ta thất tín, nguyện Đức Chúa Trời làm điều này hoặc điều đó cho tôi” (Giê-rê-mi 34:18).

D. ỨNG DỤNG

1. Trong Kinh Thánh Tân Ước, chúng ta được biết rằng Áp-ra-ham là cha của những người trung tín là những người tin cậy nơi Đấng Christ.

2. Đức Chúa Trời đã đến với đời sống của chúng ta.

3. Buộc chặt chính Ngài vào chúng ta.

4. Ngài đã làm điều đó trong giao ước mới.

5. Chính Chúa Jêsus đã gánh lấy bản tính xác thịt của chúng ta.

6. Khi chúng ta được sanh lại, chúng ta nhận được bản tính của Ngài.

7. Đó là sự ràng buộc chặt chẽ nhất hoặc đó là giao ước mà bạn từng nghĩ đến được.

8. Giao ước này phải được hiểu để có thể hiểu toàn bộ Kinh Thánh Cựu Ước.

THẢO LUẬN NHÓM

1. Bài học nào bạn có thể học từ việc xây dựng tháp Ba-bên và sự đoán phạt của Đức Chúa Trời theo sau trong các mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời và loài người?
2. Ý niệm về giao ước ứng dụng vào đức tin của Cơ Đốc Nhân như thế nào?
3. Ngày nay bạn có thể ứng dụng hành trình đức tin của Áp-ra-ham vào hoàn cảnh của bạn như thế nào?

TỰ NGHIÊN CỨU

1. Nghiên cứu thêm về đời sống của Áp-ra-ham bằng cách học Sáng-thế Ký chương 12-18, 21-22.
2. Nghiên cứu Hê-bơ-rơ chương 11:8-19.
3. So sánh đoạn Kinh Thánh trong Tân Ước và các đoạn Kinh Thánh trong Cựu Ước và rút ra vài bài học về những giá trị đời đời từ đời sống đức tin của ông.

CỰU ƯỚC LƯỢC KHẢO

PHẦN 5: ÁP-RA-HAM, Y-SƠ-RA-ÊN, GIÔ-SÉP, MÔI-SE

LỜI GIỚI THIỆU

Chúng ta tiếp tục học về đời sống của Áp-ra-ham. Có hai điều quan trọng về đời sống của Áp-ra-ham. Thứ nhất là Áp-ra-ham tin cậy Đức Chúa Trời bởi đức tin. Đó là mối liên hệ của ông với Đức Chúa Trời. Thứ hai là Đức Chúa Trời lập giao ước với Áp-ra-ham và lập những lời hứa với ông. Đó là phần tương quan của Đức Chúa Trời với ông. Trước tiên, Ngài hứa ban cho ông một đứa con trai. Thứ hai, Ngài phán rằng hậu tự của ông sẽ thừa hưởng đất một xứ.

Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời. Nhưng sau nhiều năm, ông không có con. Trong Rô ma 16, Sa-ra, vợ của Áp-ra-ham đã lập một đề nghị với ông. Đời sống của Áp-ra-ham là một cuộc tranh chiến giữa mối quan hệ của ông với Đức Chúa Trời với nền văn hóa của ông.

✂ DÀN Ý BÀI HỌC

I. TÂM QUAN TRỌNG VỀ GIẤY HÔN THỨ ĐÃ THÀNH VĂN BẢN (Sáng-thế Ký 16 – A-ga).

A. Bảng đá từ Nuzi.

“Nếu Kelim-ninu (người vợ) sinh (con), Shennima sẽ không cưới người vợ khác; nhưng nếu Kelim-ninu không sinh (con), nàng sẽ mua một người nữ từ xứ Lullu về làm vợ cho Shennima.”

B. Giấy hôn thú của người A-si-ry cổ

Giấy hôn thú của người A-si-ri cổ vào thế kỷ thứ 19 TC. Mô tả cách mà Laqipum kết hôn với Hatala, con gái của Enishru... Nếu trong vòng hai năm nàng không sinh con cho chồng, thì chính nàng sẽ phải mua một người nô lệ nữ để sinh con.

Trong Sáng-thế Ký 16, lời đề nghị này không đến từ Áp-ra-ham hoặc Đức Chúa Trời, nhưng đến từ bà Sa-ra, vợ của Áp-ra-ham.

C. Bộ luật của Hammurabi (1750 TC.) đoạn 146.

Khi một người nam kết hôn với một người nữ và nàng đã đem lại cho chồng nàng một người nô lệ nữ, và người nô lệ này đã sinh con, nếu sau đó người nô lệ nữ này đòi hỏi sự bình đẳng với chủ của mình do bởi cô ta đã sinh con, bà chủ của cô không thể bán cô, nhưng bà có thể đánh dấu cô ta bằng dấu hiệu nô lệ và coi như cô ta ở giữa vòng những người nô lệ.

II. DÂNG Y-SÁC LÀM CỦA LỄ (Rô ma 22)

Trong nền văn hoá của Áp-ra-ham; người ta dâng con người làm của tế lễ cho các thần của họ.

A. Áp-ra-ham phải tranh chiến giữa đức tin và văn hóa. Đôi khi Đức Chúa Trời dùng nền văn hóa của Áp-ra-ham làm phương tiện để truyền thông với ông. Vào những thời điểm khác, nền văn hóa của Áp-ra-ham xung đột với ý muốn của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời cho phép Áp-ra-ham đi đến tận bàn thờ và Ngài ngăn chặn ông lại. Ngài làm cho ông nhận ra hai điều.

1. Đức Chúa Trời không đòi hỏi của tế lễ bằng người.
 - Đức Chúa Trời không giống các thần của những người ngoại đạo.
2. Đức Chúa Trời muốn Áp-ra-ham đặt Ngài lên hàng đầu. Thậm chí trên cả con trai của ông.
 - Yêu Đức Chúa Trời trên hết mọi sự là điều quan trọng đối với chúng ta.

B. Y-sác và Gia-cốp.

Vì thế Y-sác có một đứa con trai và tên nó là Y-sơ-ra-ên. Từ Y-sơ-ra-ên thực sự ứng dụng với những điều khác tại những thời điểm khác trong Kinh Thánh Cựu Ước.

1. Đó là một cái tên của một người nam.
2. Một nhóm người gồm nhiều chi phái bắt nguồn từ Gia-cốp. Tất cả các chi phái này sử dụng cùng một tên giao ước, Y-sơ-ra-ên. Vì vậy, điều này có nghĩa là mối quan hệ giao ước giữa các chi phái.
3. Sau cùng, có một vương quốc Y-sơ-ra-ên (vương quốc phía bắc).

III. GIÔ-SÉP, MÔI-SE, BỤI GAI CHÁY, “TA LÀ”

A. Giô-sép là một người gìn giữ của gia đình.

B. Môi-se là một người giải cứu của một dân tộc.

C. Bụi gai cháy (Xuất 3).

1. Bụi gai cháy chính là tiếng phán từ Đức Chúa Trời, một tiếng phán không bằng lời nhưng đầy quyền năng như bất cứ lời nói nào.
2. Cảnh tượng về bụi gai cháy trong sa mạc (đồng vắng) không có gì đặc biệt, chỉ là một bụi gai khô bắt lửa dưới ánh mặt trời nóng bức. Chẳng bao lâu nó sẽ cháy hết không để lại gì ngoài một mảnh đất đen kịt. Nó không thể kéo dài thêm hai hoặc ba phút khi không có gì để nhen lửa cháy bùng lên. Điều mà thu hút sự chú ý của Môi-se đúng là điều này: Ngọn lửa cháy rực nhưng bụi gai không bị lửa tàn phá.
3. Ngọn lửa cháy liên tục! Sự việc này trái với tự nhiên. Môi-se bị thu hút (lôi cuốn) vào điều này – hiện tượng này, sự việc xảy ra lạ lùng này!
4. Chẳng có gì khó hiểu về bụi gai, chẳng có chút gì siêu nhiên cả. Đó chỉ là một bụi gai tầm thường. Nhưng mà ngọn lửa! Một ngọn lửa không cần chất đốt, nó hiện có trong chính nó: Nó độc lập (tự cung cấp) và tự tồn tại!

5. Một điều minh họa cụ thể, một thị cụ trực quan.
6. Đức Chúa Trời phán với Môi-se về hiện tượng này là: “TA LÀ ĐÁNG TỰ HỮU HẰNG HỮU”, tức là “Ta tự tồn tại và không tùy thuộc vào bất cứ điều gì”. Chính Ngài là Đấng Đời Đời và là nguyên nhân của tất cả mọi sự việc. Vũ trụ này tùy thuộc vào Ngài.
7. Đây là một sự khải thị đặc biệt cho Môi-se.
 - a. Một loạt tai vạ của sự đoán phạt hưởng thẳng về các thần của Ê-díp-tô.
 - b. Khiến cho Pha-ra-ôn để cho dân Y-sơ-ra-ên đi.
 - c. Khiến cho dân Y-sơ-ra-ên học biết Đức Chúa Trời là vĩ đại thế nào.
 - d. Sự đoán phạt cuối cùng, giết tất cả các con trai đầu lòng vào Lễ Vượt Qua.
 - e. Chiên Con trong ngày Lễ Vượt Qua là hình bóng của Chúa Giêsu Christ.

IV. XUẤT, GIAO ƯỚC, GIAO ƯỚC CỦA VUA, LUẬT PHÁP, NHỮNG NGHI LỄ CỦA NGƯỜI LÊ-VI

A. Xuất, dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô một cách kỳ diệu.

1. Họ vượt qua biển.
2. Họ đến núi Si-na-i là nơi mà Đức Chúa Trời lập giao ước với dân Y-sơ-ra-ên. Đây là trung tâm (điểm chính) của Kinh Thánh Cựu Ước.

B. Giao ước của vua, một giao ước giữa vị vua lớn và thần dân của ông.

1. Sự khai quật ở Huttusas, thủ đô cổ xưa của dân Hê-tít, cơ quan lưu trữ hoàng gia, các tư liệu giao ước, các giao ước tương đương, các giao ước của vua.
2. Mối quan hệ của vua/ chư hầu. Tương tự với Xuất 19, 20 và 24.
3. Không chỉ riêng dân Hê-tít, nhưng khắp vùng Cận Đông cổ xưa.
4. Tên và nhan đề:
Đây là lời của Sun Suppiluliumas, vua lớn, vua của xứ Hatti, sự dũng cảm, người được ưa thích của thần Bão.
5. Tên và nhan đề:
 - a. Sự kiện mở đầu lịch sử, những đặc quyền dựa trên lòng trung thành.
 - b. Các nguyên tắc, chỉ một vua.
 - c. Những điều quy định, thực hiện và không thực hiện trong những hoàn cảnh riêng biệt.
 - d. Những lời nguyện rửa và các phước lành.
 - e. Lời hứa nguyện, những tư liệu, đặt trong đền thờ.
7. Ứng dụng đề cương này vào sách Xuất 20, 19, 24. Phục.
8. Một nguyên tắc và 9 điều răn.
 - “Chớ có các thần khác ngoài Ta”. Kế đó 9 điều răn theo sau.
9. Bảng đá trong hòm giao ước ở đền tạm.
10. Tại sao là một giao ước?
 - a. Dân Y-sơ-ra-ên thực hiện vai trò với tư cách một dân tộc lần đầu tiên, chính thể.

b. Đức Chúa Trời tối cao, độc lập với dân Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời của cả trái đất.

C. Những bộ luật chi tiết.

Những bộ luật về luật pháp cổ xưa.

1. Không chỉ ở trong những giao ước của vua mà chúng ta tìm thấy một bộ luật tương đương với giao ước. Cũng có những gì tương đương giữa luật pháp của Kinh Thánh Cựu Ước với những bộ luật của các dân tộc cổ xưa khác ở vùng Cận Đông:
 - a. Bộ luật của Hammurabi, Vua Ba-by-lôn, 1750 TC.
 - b. Bộ luật của Bilalama, Vua Eshnunna của dân A-mô-rít, 1885 TC.
 - c. Luật pháp của Lipit-Shatar, Vua Isin, 1875 TC.
2. Một sự khác nhau đáng kể là trong khi các bộ luật về luật pháp cổ xưa thay đổi mức độ sửa phạt tùy theo địa vị xã hội của con người, thì Kinh Thánh Cựu Ước đối xử với tất cả mọi người như nhau về phương diện này.

D. Luật pháp của Kinh Thánh Cựu Ước có áp dụng với các Cơ Đốc Nhân không?

Một số người cố gắng tách Mười Điều Răn ra khỏi phần còn lại của luật pháp thời Cựu Ước. Không.

1. Xuất 21:16 cấm bắt cóc người, điều này không có trong Mười Điều Răn, nhưng điều đó ngày nay cũng sai. Chúng ta phân xử như thế nào? Luật pháp thời Cựu Ước > Văn hoá > Nguyên tắc > Văn hoá > Luật pháp.
2. Phục 22:1, 8.
3. Rô-ma 13:8-10. Tình yêu là sự làm trọn luật pháp.
4. Đức Chúa Trời của Kinh Thánh Cựu Ước cũng giống như Đức Chúa Trời của Kinh Thánh Tân Ước.

THẢO LUẬN NHÓM

1. Xem lại sự tranh chiến của Áp-ra-ham giữa mối liên hệ giữa ông với Đức Chúa Trời và nền văn hóa của thời đại ông và thảo luận vài cuộc xung đột giữa nền văn hóa riêng của bạn và luật pháp của Đức Chúa Trời.
2. Cơ Đốc Nhân trong nền văn hóa của bạn phản ứng ra sao khi đương đầu sự tranh chiến như thế?
3. Luật pháp của Kinh Thánh Cựu Ước áp dụng với Cơ Đốc Nhân như thế nào? Thảo luận bằng cách trích dẫn một số luật pháp trong Cựu Ước đã được lập lại trong thời Tân Ước.

TỰ NGHIÊN CỨU

1. Nghiên cứu giao ước cổ xưa và bộ luật về pháp luật trong bài học này và so sánh chúng với các đoạn:
Xuất 19, 20, 24

Phục 28

2. Dùng trang Giao ước của Vua để phác thảo dàn bài của những đoạn văn này trên tờ giấy khác.
3. Những bài học quan trọng nào bạn có thể học được từ giao ước này?

CỰU ƯỚC LƯỢC KHẢO

PHẦN 6: SỰ THỜ PHƯỢNG NƠI ĐỀN TẠM

LỜI GIỚI THIỆU

Trong phần bài học trước, chúng ta đã kết thúc ở chỗ giao ước Đức Chúa Trời lập với dân Y-sơ-ra-ên tại núi Si-na-i. Chúng ta thấy rằng giao ước này ở trong hình thức của giao ước quốc tế. Đức Chúa Trời đóng vai trò của một Vua lớn, Đấng tể trị và dân Y-sơ-ra-ên hứa nguyện trung thành với Ngài. Chúng ta cũng thấy rằng giao ước liên quan đến những luật pháp. Không những mười điều răn mà còn nhiều luật pháp cho đời sống của dân sự phản chiếu bản tính của Đức Chúa Trời.

Cũng còn có một mặt khác của giao ước. Có liên hệ đến những nghi lễ hoặc nghi thức tôn giáo. Họ biết riêng một trong những chi phái của họ, chi phái Lê-vi làm thầy tế lễ. Đức Chúa Trời cho họ biết nhiều chi tiết về cách thờ phượng Ngài. Họ cần phải dựng một đền tạm lớn và đẹp.

✂ DÀN Ý BÀI HỌC

I. ĐỀN TẠM

- Có ba lý do quan trọng về Đền Tạm và những nghi thức tôn giáo:

A. Đền Tạm giúp thống nhất dân Y-sơ-ra-ên.

1. Đền Tạm ở tại trung tâm của trại quân.
2. Đền Tạm đại diện cho giao ước với Đức Chúa Trời vì bên trong đó là Hòm Giao Ước.
3. Bên trong Hòm Giao Ước là bảng đá với Mười Điều Răn trong đó.

B. Đền Tạm dạy dân Y-sơ-ra-ên một sứ điệp thuộc linh.

1. Dân Y-sơ-ra-ên phải học về đức thánh khiết.
2. Nơi thánh “qadosh” biệt riêng ra, được cư xử với sự kính trọng.
 - a. Hãy nhớ Môi-se tại bụi gai cháy.
 - b. Xuất 3:5 “Chỗ người đang đứng là đất thánh”.
 - c. Một trong những nhu cầu cấp thiết nhất mà chúng ta có giữa Cơ Đốc Nhân hiện nay là một khái tượng về đức thánh khiết của Đức Chúa Trời. Thánh khiết không phải là một ý niệm tĩnh mà là một ý niệm động.

3. Thánh khiết là gì? Thường thì mọi người nghĩ về thánh khiết là sự công bình, là sự trong sạch về đạo đức. Nhưng một mảnh đất của sa mạc Si-na-i có thể có những đặc tính đạo đức nào?

Đất thánh là gì?

Có một lời giải đáp cho ý nghĩa này trong dầu xức của đền thánh. Vào thời xưa, những người phương đông thích chính họ được xức bằng dầu xức có mùi thơm như ngày nay chúng ta dùng sau việc cạo râu hoặc nước hoa. Trong Xuất 30:22-33 Đức Giê-hô-va đưa ra những lời chỉ dẫn cho Mô-i-se về cách chuẩn bị việc dầu xức cho các thầy tế lễ và tất cả mọi vật trong đền tạm.

Xuất 30:31, 32 “Về phần ta, dầu này sẽ là dầu xức thánh trải qua mọi đời các người. Chớ nên đổ trên xác thịt loài người; và cũng đừng làm dầu nào khác theo phép hòa hương đó. Dầu này là thánh, cũng sẽ thánh cho các người.”

Điều gì thánh khiết thì được biệt riêng ra. Điều đó đặc biệt và riêng rẽ. Trong đền tạm những cái nồi, chảo, đồ dùng nhà bếp khác nhau đều là thánh, không vì chúng được làm bằng vàng (thật sự những thứ đó bằng vàng), chắc chắn không vì chúng có bất cứ phẩm chất đạo đức nào (thật sự chúng không có phẩm chất đạo đức, chúng là đồ vật), nhưng vì chúng được sử dụng trong việc phục vụ Đức Chúa Trời. Những vật dụng trong đền tạm không chỉ được sử dụng để nấu bữa tối hoặc đem ném vào thùng rác. Chúng phục vụ cho Đức Chúa Trời và chỉ một mình Đức Chúa Trời, những đồ dùng của sự tôn kính. Dân Y-sơ-ra-ên không được xem như bất cứ vật gì có dự phần với Gia-vê làm một đồ vật quen thuộc hoặc bị coi thường. Cái gì được Đức Chúa Trời chạm đến là riêng biệt và phải được chú ý đến với sự tôn kính và nể trọng.

George Carey: “Trong Kinh Thánh, từ “thánh” là một ý niệm động, không phải là một ý niệm tĩnh. Nó hàm ý sự biệt riêng cho sự phục vụ Đức Chúa Trời. Những vật thánh và người thánh đều là những vật, những người được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời sử dụng. Họ không được biệt riêng ra cho sự hư không, nhưng cho một mục đích riêng biệt và xác định rõ ràng... Sự thánh khiết của Hội Thánh liên kết một cách không thể tháo gỡ được với sứ mệnh truyền giáo của nó để bày tỏ Chúa Jêsus Christ ở trần gian này.” (George Carey, Một Truyện Ngắn của Hai Hội Thánh, IVF, 1985, pp. 138, 39).

Đức Chúa Trời phán với chúng ta: “Hãy nên thánh, vì Ta là thánh.”

Sự thánh khiết của chính mình Đức Chúa Trời là gì?

Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời bao gồm tất cả những thuộc tánh của Ngài. Điều này giống một viên kim cương đặt cắt nhiều mặt, mỗi mặt đang chói rực bởi ánh sáng rực rỡ huy hoàng của sự vinh hiển Ngài như: Sự bình tịnh uy nghi, sự thánh khiết đáng khiếp sợ, quyền năng siêu phàm, vẻ đẹp không thể diễn tả, sự hiểu biết vô hạn, sự hiện diện không thể tránh được, sự khôn ngoan không dò được, sự công bình không hại chút nào, tình yêu vô bờ bến và hồng ân vô tận.

Khi Đức Chúa Trời kêu gọi chúng ta hãy nên thánh, Ngài không đòi hỏi chúng ta điều gì khác hơn là bày tỏ đặc tính của Ngài trên trần gian này, để phản chiếu con người của Ngài trong tấm gương của linh hồn chúng ta và cách sống của chúng ta.

4. Tội lỗi có thể được chuộc.

- a. Luật pháp đem lại sự cảm biết (ý thức) về tội lỗi, nhưng tội lỗi có thể được chuộc, “được khỏa lấp”. Rô-ma 3:20 “*Vì chẳng có một người nào bởi việc làm theo luật pháp mà sẽ được xưng công bình trước mặt Ngài, vì luật pháp cho người ta biết tội lỗi.*”
- b. Giải thích của lễ hy sinh chuộc tội. Con sinh tế một sự bày tỏ về chính Ngài.
- c. Giăng Báp-tít, sự kiện này là một sự chuẩn bị về sự đến của Đấng Christ.

C. Đền tạm là một “hình bóng” (vật tượng trưng) về Đấng Christ.

1. Hình bóng học, sách Hê-bơ-rơ.
2. Hê-bơ-rơ 10:1 “*Luật pháp chỉ là bóng của sự tốt lành ngày sau.*” Điều này là điềm báo trước về Đấng Christ.
3. Ê-sai 53, I Phi-e-rơ 1:19,20, Khải-huyền 5:6a, 9-12.
4. Hê-bơ-rơ 9:14 “*Hướng chi huyết của Đấng Christ, là Đấng nhờ Đức Thánh Linh đời đời, dâng chính mình không tì tích cho Đức Chúa Trời, thì sẽ làm sạch lương tâm anh em khỏi công việc chết, đặt hầu việc Đức Chúa Trời hằng sống, là đường nào!*”
5. Bây giờ dân sự sẵn sàng để bước vào Đất Hứa.

II. SỰ CHỈ DẪN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI CHO GIÔ-SUÊ

A. Mạng lệnh của Đức Chúa Trời (Giô-suê 1:1-4).

B. Các lời hứa của Đức Chúa Trời (Giô- suê 1:5-8).

- Khi những người lãnh đạo và dân sự của họ vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời, thì họ được ban phước.

C. Vượt qua sông Giô-đanh (Giô- suê 3:15).

THẢO LUẬN NHÓM

1. Đức Chúa Trời dạy dân sự của Ngài sự thánh khiết thông qua Đền Tạm như thế nào và bài học nào các Cơ Đốc Nhân có thể học được từ sự dạy dỗ đó?
2. Đức Chúa Trời chuẩn bị cho dân Y-sơ-ra-ên trước khi họ bước vào Đất Hứa như thế nào, và nguyên tắc nào chúng ta có thể học từ điều này khi chúng ta đòi hỏi lời hứa của Đức Chúa Trời cho chúng ta?

TỰ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sách Ga-la-ti và giải thích sự liên quan giữa Luật Pháp và Phúc Âm.

Luật Pháp:

Phúc Âm:

CỰU ƯỚC LƯỢC KHẢO

PHẦN 7: GIÔ-SUÊ VÀ CÁC QUAN XÉT

LỜI GIỚI THIỆU

Chúng ta sẽ nắm được bài học này từ chỗ mà chúng ta kết thúc trong bài học trước. Chúng ta sẽ nhìn vào vùng đất.

✕ DÀN Ý BÀI HỌC

I. BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ CỦA TRUNG ĐÔNG

A. Ca-na-an, một nước trung lập nhỏ (nước đệm)

- Bản đồ của vị trí địa lý xứ Ca-na-an thuộc Trung Đông.

B. Các thành phố độc lập và có chủ quyền

- Bản đồ địa hình của xứ Palestine; xứ Ca-na-an chia làm 4 khu vực chính, các đồi núi và các thung lũng dễ xâm chiếm, khó giữ vững.

C. Khí hậu

1. Tùy thuộc vào thời tiết. Thần tượng Ba-anh hay Đức Chúa Trời.
2. Những phước hạnh của giao ước và những sự rửa sả.

D. Tín ngưỡng của dân tộc Ca-na-an

1. Dân Ca-na-an ở dưới sự phán xét của Đức Chúa Trời. Lối sống của người Ca-na-an được mô tả trong sách Lê-vi ký và phần lớn trong sách đó được xác nhận bởi khảo cổ học.
2. Họ tin vào thần của sự sinh sản. Tín ngưỡng tà giáo của họ đã nhận chìm họ vào trong điều huyền bí, vào trong thuyết duy linh (thần thông học), vào trong ma thuật, sự bói toán, nam và nữ tôn thờ sự dâm dục, những người nam và nữ giao cấu với thú vật với thú vật. Tín ngưỡng của dân Ca-na-an không chỉ liên quan đến sự sùng bái thần tượng mà còn liên quan đến của lễ những con trẻ nam và nữ của riêng họ làm của tế lễ trong lửa cho các quỷ. Tội loạn luân và tình dục đồng giới

là thói tục có thể được chấp nhận. Chính Đức Chúa Trời đã dùng lời lẽ kiên quyết (nặng nề) về dân Ca-na-an. Ngài nói: “**Đất vì chúng nó mà bị ô uế; ta sẽ phạt tội ác họ; đất sẽ mưa dân nó ra vậy**” (Lê vi ký 18:25).

II. SỰ CHINH PHỤC CA-NA-AN

A. Ra-háp ở Giê-ri-cô

Câu chuyện của Ra-háp ở trong Giô-suê 2:1-21; 6:25.

Nếu từ trước đến giờ có một ứng viên không hề xứng đáng để nhận phước hạnh của Đức Chúa Trời thì đó là Ra-háp. Ra-háp là một người Ca-na-an và là một kỹ nữ, nhưng mạng sống của nàng được giữ lại và nàng đã trở thành một người Y-sơ-ra-ên danh dự, và theo Kinh Thánh Tân Ước (Mathiơ 1:5). Ra-háp kết hôn với Sanh-môn, người lãnh đạo của Giu-đa; con trai của nàng là Bô-ô người đã kết hôn với Ru-tơ, và chắt trai của nàng là vua Đa-vít; và nàng được kể đến trong gia phả của Chúa Jê-sus Christ.

Tại sao một người Ca-na-an tà giáo, một người thờ lạy hình tượng, một kỹ nữ được chọn để liều mạng mình cứu sự sống của dân Ysơraên?

1. Đức tin của Ra-háp nơi Đức Chúa Trời.

Ra-háp trình bày rất rõ về Đức Chúa Trời:

- a. “*Tôi biết rằng Đức Giê-hô-va đã ban cho các ông xứ này*” (Giô-suê 2:9).
- b. “*Vì chúng tôi có hay khi các ông ra khỏi xứ Ê-díp-tô, thì Đức Giê-hô-va đã khiến nước biển Đỏ bày khô trước mặt các ông*” (Giô-suê 2:10).
- c. “*Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ông là Đức Chúa Trời ở trên trời cao kia, và ở dưới đất thấp này*” (Giô-suê 2:11).

2. Sự sáng suốt của Ra-háp

Ra-háp là một người sáng suốt lạ thường. Nàng đã nhận biết về quá khứ, (Giô-suê 2:10). Nàng biết về việc qua Biển Đỏ đã được xảy ra; có lẽ trước khi nàng được sanh ra và ở một vùng đất mà đối với nàng thật xa xăm. Nhưng điều này không chỉ là lịch sử. Đức Chúa Trời này đã làm cho quốc gia lớn nhất trên thế giới lúc bấy giờ bị bất lực, ấy là xứ Ê-díp-tô, sắp sửa làm thay đổi thế giới. Lời hứa của Đức Chúa Trời là thật, Giê-ri-cô sẽ bị sụp đổ và xứ Ca-na-an bị diệt vong.

Đây không phải là một vấn đề chủ nghĩa quốc gia tầm thường, Y-sơ-ra-ên chống lại với Ca-na-an là nơi mà sự ngẫu nhiên nàng ra đời, mang lại cho nàng lòng trung thành đối với Ca-na-an và vua Giê-ri-cô. Phải Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ông là Đức Chúa Trời ở trên trời cao và nơi đất thấp này. Quyền năng của Đức Chúa Trời vượt quá và thống trị cả dân tộc Ysơraên và Ca-na-an. Ngài là Giê-hô-va Đức Chúa Trời, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, đó là danh mà nàng gọi.

Căn cứ trên những điều này thì nàng biết những sự kiện ở Ca-na-an sẽ xoay chiều ra sao về lâu về dài. Nàng đã có thể thấy kết quả cuối cùng. Trong quan điểm này nàng đã thực hiện một quyết định đúng và sẵn sàng và mạo hiểm khác thường.

Hê-bơ-rơ 11:31 “*Bởi đức tin kỳ nữ Ra-háp không chết với kẻ chẳng tin, vì nàng đã lấy ý tốt tiếp rước các kẻ do thám.*”

B. Giô-suê 2:18: Sợi Chỉ Điều so sánh với huyết trong lễ Vượt Qua (Xuất 12: 22,23).

1. Trong một ý nghĩa, Ra-háp giống như Hội Thánh dân ngoại, Chúa Jêsus là một người Do Thái, Giăng Báp-tít gọi Ngài là “Chiên Con của Đức Chúa Trời”, Ngài bị đóng đinh tại Giê-ru-sa-lem trong thời gian lễ Vượt Qua, Hội Thánh đầu tiên là Hội Thánh của người Do Thái được cứu qua huyết của Ngài. Chúa Jêsus hứa rằng khi các sứ đồ đi ra rao truyền Tin Lành trong xứ khác, các phép lạ sẽ theo sau sự rao giảng Lời Ngài. Quả thật họ đã rao giảng, và với một kết quả là nhiều dân ngoại xây bỏ tín ngưỡng tà giáo của họ và lối sống vô đạo đức của họ để phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống. Chính họ không thấy Chúa Jêsus trên thập tự giá, nhưng họ đặt niềm tin của họ nơi Ngài và họ đã được cứu.
2. Trong Xuất Ê-díp-tô Ký, chiên con trong lễ Vượt Qua bị giết trong trại của dân Y-sơ-ra-ên ở xứ Gô-sen; qua sự vâng phục và đức tin của họ trong huyết chiên con mà dân Y-sơ-ra-ên được cứu khỏi sự chết của con trai đầu lòng. Khi họ ra khỏi xứ Ê-díp-tô có những dấu hiệu lớn và những điều kỳ diệu. Ngay cả dân Ca-na-an cũng đã nghe về điều đó, thậm chí Ra-háp là người ngoại, người vô đạo đức cũng nghe về Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên. Nàng không thấy sự chết của chiên con tại lễ Vượt Qua và việc ra khỏi xứ Ê-díp-tô, nhưng nàng đặt niềm tin của mình nơi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, nàng đem sợi chỉ điều ra làm một dấu hiệu cho đức tin mình, nàng được cứu khỏi sự chết và trở thành một người trong gia đình của dân Y-sơ-ra-ên.

C. Chúng ta học được gì từ điều này?

1. Thứ nhất, sự kiện Ra-háp là một kỳ nữ và là một người Ca-na-an ngoại bang không ngăn trở nàng quay lại với Đức Chúa Trời và nhận phước hạnh của nàng. Nàng đã sống trong một thành phố ở dưới sự đoán phạt của Đức Chúa Trời, dẫu vậy nàng và gia đình nàng đều được cứu. Đừng để môi trường xung quanh bạn, lòng trung thành theo truyền thống của bạn, hoặc áp lực của những người đồng bạn của bạn ngăn trở bạn đến với Đức Chúa Trời.
2. Thứ hai, trong đời sống của Ra-háp có một mối liên kết trực tiếp giữa sự hiểu biết và niềm tin, niềm tin và sự phó thác, sự phó thác và hành động. Bạn biết lẽ thật và quyền năng của Đức Chúa Trời, bạn biết chắc có sự chết và sự sống đời đời, bạn biết nhu cầu cấp bách để tin nhận Đấng Christ **NGAY BÂY GIỜ** dù cho điều đó có thể đưa đến những khó khăn giới hạn trước mắt.
3. Chúng ta cũng thấy rằng nàng có một sự hiểu biết rất rõ về quyền tể trị cao cả của Đức Chúa Trời. Con người không phải là trung tâm của vũ trụ; mà chính Đức Chúa Trời mới là trung tâm của vũ trụ. Giê-ri-cô sẽ đổ nát. Dù cho thế giới của chúng ta dần dần đi đến chỗ sụp đổ, thì mục đích của Đức Chúa Trời vẫn tiếp tục thực hiện.

Ra-háp nói “*Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ông là Đức Chúa Trời ở trên trời cao kia, và ở dưới đất thấp này.*”

III. CÁC QUAN XÉT

- Sách bắt đầu bằng những từ này: “Sau khi Giô-suê qua đời” (Các Quan Xét 1:1).
- Các Quan Xét là gì? Shophetim, các nhà lãnh đạo, những người giải cứu, các quan xét.

A. Vòng lẩn quẩn của Các Quan Xét:

1. Sự bội nghịch (sa ngã), bất tuân, thờ lạy hình tượng,
2. Sự đoán phạt, sự áp bức của kẻ thù;
3. Đức Chúa Trời dấy lên một quan xét, sự ăn năn;
4. Sự giải cứu, một thời kỳ bình an và phước hạnh.
5. Các Quan Xét 17:6 và 21:25 (câu cuối cùng trong Các quan xét) đưa ra lời bình luận “*Đương lúc đó, không có vua trong Y-sơ-ra-ên; ai nấy làm theo ý mình lấy làm phải*”.
6. Ghi-đê-ôn, Sam-sôn.

B. Ai là các quan xét? “Shophetim” các nhà lãnh đạo, những người giải cứu, các quan xét.

IV. RU-TƠ NGƯỜI MÔ-ÁP

Câu chuyện về Ru-tơ thì rất đơn giản, rất hay, rất quyền năng. Hãy đọc câu chuyện này. Để hiểu về nhân cách của Ru-tơ dựa trên ba điểm chính: Lai lịch cá nhân, lòng trung thành, và đức tin.

A. Lai lịch cá nhân

1. Vấn đề về lai lịch chúng ta đã thảo luận rồi.
2. Trong Kinh Thánh, lai lịch được xác nhận cho cộng đồng.
3. Ru-tơ 1:16, 17 “Xin chớ nài tôi phân rẽ mẹ...”
4. Bước thay đổi lai lịch của Ru-tơ khó khăn hơn, khác xa hơn bước thay đổi lai lịch của Ra-háp. Ra-háp đang đối diện với một cuộc khủng hoảng, nàng biết thành phố của nàng bị hủy diệt, nàng không thể nhìn thấy tương lai khác. Ở xứ Mô-áp thì Ru-tơ có nhiều cơ hội tốt hơn ở xứ Giu-đa, vì ở đó nàng được sống giữa bà con họ hàng của nàng. Về Giu-đa là nơi mà nàng có thể phải đối diện với sự chối từ (từ bỏ) và rồi cuối cùng chẳng được gì cả.
5. Bí quyết để nàng làm điều này theo khả năng của nàng là điều mà tôi gọi là lòng trung thành.

B. Lòng trung thành.

Ru-tơ 3:10 “*Người nói: Hỡi con gái ta, nguyện Đức Giê-hô-va ban phước cho con! Việc con làm hơn từ lần sau này, lại còn trọng hơn lần trước...*”

1. Lòng trung thành của “SỰ NHƠN TỪ”, một cách trung thành, sự nhơn từ mến yêu, sự thương xót, ngay cả ân điển và lòng trung thành với giao ước.
2. Tầm quan trọng về ý niệm này trong đời Y-sơ-ra-ên cổ xưa; gia đình mở rộng (cấu trúc gia đình), ý thức về cá tính của từng người trong đoàn thể; ý thức về sự đoàn kết.
 - Một thuộc tính của Đức Chúa Trời. Đấng mạnh mẽ, cao cả nhất, oai nghi nhất = Giê-hô-va Đức Chúa Trời, khoan dung và độ lượng (nhân từ và thương xót), nhẫn nhục, đầy dẫy lòng nhân ái (NHƠN TỪ) và chân thật (trung thành).
- a. Thi-thiên 136 trong mỗi câu “*vì sự nhơn từ thương xót Ngài còn đến đời đời*”.
 - i. Nói về công việc sáng tạo và nâng đỡ của Đức Chúa Trời trong thiên nhiên (Thi- thiên 136:1-9).
 - ii. Nói về sự giải cứu và sự can thiệp kỳ diệu trong lịch sử (Thi thiên 136:10-15).
 - iii. Nói về công việc thần hựu của Ngài thực hiện qua dân sự và cho dân sự Ngài (Thi- thiên 136:11-22).
 - iv. Nói về sự thương xót, sự giải cứu, sự tiếp trợ và quyền tể trị tối cao của Ngài (Thi- thiên 136:23-26).
- b. Sự “nhơn từ” thương xót của Đức Chúa Trời (Thi-thiên 107:1, 8, 15, 21, 31, 43).
 - i. Đối với kẻ bị hà hiếp, người tị nạn, người đói khổ (Thi-thiên 107:1-9).
 - ii. Đối với những người mà tội lỗi của họ đã đưa họ vào những hoàn cảnh khó khăn (Thi-thiên 107:10-16).
 - iii. Đối với những người mà tội lỗi của họ đã đưa đến sự rối loạn xúc cảm (Thi-thiên 107:17-22).
 - iv. Đối với những người không có sự giúp đỡ trong hoàn cảnh nguy kịch (Thi thiên 107:23-32).
 - v. Nói về tất cả những bước thăng trầm trong cuộc sống (Thi-thiên 107:33-43).
3. Đức Chúa Trời tìm kiếm những tính cách tương tự đó trong chúng ta.
 - a. R-tơ trong mối quan hệ của nàng với Na-ô-mi (Ru-tơ 1:16, 7; 3:10 so sánh 2:12, 20; 4:17).
 - b. Bô-ô là người bà con có quyền chuộc sản nghiệp “Goel” (Lê-vi Ký 25:47-49), cũng giới hạn trong vòng người Lê-vi (Phục 25:5-10).
 - c. Từ cuộc hôn nhân này mà có Đa-Vít.
 - d. Trong khi một vài sự tốt đẹp xảy đến cho Ru-tơ lúc đó, thời gian này cũng là một giai đoạn Y-sơ-ra-ên lâm vào cảnh gian nguy. Bởi vì một dân tộc mới được gọi là dân Phi-li-tin đã đến trong xứ.

V. SỰ XÂM CHIẾM CỦA DÂN PHI-LI-TIN

A. Họ là ai?

1. Họ là nhóm người thuộc hệ ngôn ngữ Ấn-Âu.

2. Họ có nhiều hiểu biết về kim loại.
3. Họ đã chuẩn bị sẵn sàng để xâm chiếm vùng đất mà dân Y-sơ-ra-ên mới vừa đang sở hữu.

B. Sự giải cứu của Đức Chúa Trời:

1. Các Quan Xét
 - a. Sam-sôn
 - b. Samuên
2. Các Vua

Đây sẽ là đề tài của chúng ta trong bài học tới.

THẢO LUẬN NHÓM

1. Thảo luận các bài học mà chúng ta đã học được từ đức tin của Ra-háp và ứng dụng điều đó vào hoàn cảnh của dân sự trong nền văn hóa của bạn về sự dám liều lĩnh để được đồng hoá với các Cơ Đốc Nhân một cách công khai.
2. Thảo luận về ân điển không thể dò được của Đức Chúa Trời:
 - Đức Chúa Trời có thể chấp nhận và sử dụng các dân ngoại, những người thờ lạy hình tượng và những kỵ nữ trong chương trình cứu chuộc của Ngài như thế nào? Ứng dụng câu trả lời của bạn vào đời sống của Ra-háp và Ru tơ.

TỰ NGHIÊN CỨU

1. Nghiên cứu sách Các Quan Xét và chuẩn bị một biểu đồ về:
 - A. Vòng lẩn tránh của các quan xét.
 - B. Ghi ra trên biểu đồ:
 - C. Sự bội nghịch.
 - D. Sự áp bức bởi kẻ thù (tên của kẻ áp bức)
 - E. Sự ăn năn.
 - F. Người giải cứu của Đức Chúa Trời (tên của vị quan xét dùng trong mỗi trường hợp).
2. Viết ra những bài học thiết thực và thuộc linh mà bạn có thể học được từ những sự kiện trong sách Các Quan Xét.

CỰU ƯỚC LƯỢC KHẢO
PHẦN 8 ĐA-VÍT, SÁCH CÁC VUA, THI - THIÊN VÀ
THI VĂN HÊ-BƠ-RƠ

LỜI GIỚI THIỆU

Chúng ta đã thấy nhiều ý niệm chính từ sự nghiên cứu của chúng ta về Kinh Thánh Cựu Ước.

Những ý niệm đó là:

1. Giao ước
2. Lòng trung thành
3. Lai lịch cá nhân (đồng hoá tính cách của một người)
4. Đức tin

Chúng ta thấy ba điều cuối được trình bày nhiều trong đời sống của Ru-tơ. Tất cả những điều này quan hệ với nhau. Cùng xảy ra trong đời sống của Ra-háp. Chúng ta cũng thấy những điều này trong nhiều người lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên.

Trong bài học này, chúng ta sẽ thấy một sự phát triển mới trong lịch sử của con dân Đức Chúa Trời.

✦ DÀN Ý BÀI HỌC

I. TỪ LIÊN MINH CHI PHÁI ĐẾN CHẾ ĐỘ QUÂN CHỦ

Chế độ chi phái Y-sơ-ra-ên.

A. Sự đe dọa của Phi-li-tin.

B. Sa-mu-ên, Sau-lơ và Đa-vít.

1. Sa-mu-ên người cuối cùng của các quan xét và người đầu tiên của các tiên tri.
2. Sau-lơ khởi đầu đạt được nhiều thành tích, nhưng về sau trở nên kiêu ngạo.
 - a. I Sa-mu-ên 9:21 “Sau-lơ đáp: Tôi chỉ là một người Bên-gia-min, là một chi phái nhỏ hơn hết trong Y-sơ-ra-ên; nhà tôi lại là hèn mọn hơn hết các nhà của chi phái Bên-gia-min”.

- b. Đọc I Sa-mu-ên 15:12.
 - c. “Vì khi Sa-mu-ên...”
 - d. I Sa-mu-ên 15:22-23 từ chối làm vua.
 - e. Cuối cùng xa lánh khỏi Sa-mu-ên, Đa-vít, và khỏi Đức Chúa Trời.
 - f. Sau đó ông đến cầu vấn một bà bóng.
3. Đa-vít; 7 năm ở Hép-rôn. Chiếm được Giê-ru-sa-lem.
- a. Thành công lớn, rất phước hạnh, thất bại lớn lao, sự tha thứ lớn lao.
 - b. Thi-thiên 51.
 - c. Đa-vít hiểu rõ các nguyên tắc thuộc linh nằm sau những nghi lễ trong Cựu Ước.

II. THI THIÊN: VĂN THƠ CỦA NGƯỜI HÊBƠƠ

Khi chúng ta nghĩ về vua Đa-vít chúng ta thường nghĩ về sách Thi thiên bởi vì Đa-vít là một người sáng tác thi ca, một nhà thơ, một nhạc sĩ và một ca sĩ. Thật ra có nhiều bài hát từ nhiều nhà thơ (thi sĩ) khác nhau trong sách Thi-thiên. Và văn thơ Hê-bơ-rơ được tìm thấy trong nhiều phần khác nhau của Kinh Thánh: như là những đoạn trích trong các sách lịch sử, trong hầu hết các sách tiên tri, trong văn chương của sự khôn ngoan (Châm-ngôn). Gần như toàn bộ sách Gióp là thơ, và toàn bộ sách Ca-thương.

- Đó là những bài hát ngợi khen, những buổi lễ ăn mừng những ngày thánh, cầu nguyện cho sự tiếp trợ, những lời tiên tri về Đấng Christ, sự bày tỏ về nỗi sầu khổ.

Có 3 đặc điểm mà bạn cần biết đến trong thơ Hê-bơ-rơ:

1. Đặc điểm song phương: Những ý niệm diễn biến song song.
2. Biểu tượng: Ngôn từ.
3. Xúc cảm: Sự biểu lộ (bày tỏ).

A. Đặc điểm song phương

1. Lời viết song hành đồng nghĩa nhấn mạnh lẽ thật bởi sự lập đi lập lại
 - a. Xin vui lòng mở Kinh Thánh của bạn trong Thi-thiên 19.
 - b. Thi-thiên 19:1 chúng ta gọi là sự song hành đồng nghĩa.
 - c. Thi-thiên 19:2 Bây giờ bạn hãy cho tôi cho sự song hành gì?
 - d. Thi-thiên 19:7.
 - e. Thi-thiên 19:8.

Bây giờ hãy thử xem Thi-thiên 14

2. Cách tôi viết song hành hợp đề (tổng hợp) bám chặt lẽ thật tương tự nhưng thêm một ý tưởng mới. Đó là sự phát triển.
 - a. “*Và Ta sẽ sai lửa đến trên vách thành Ga-xa, nó sẽ thiêu nuốt những đền đài nó*” (A-mốt 1:7).
 - b. Thành ngữ “Nó sẽ nuốt” chỉ diễn đạt khác hơn một chút với thành ngữ “Ta sẽ sai lửa”. Điều này mô tả kết quả (hậu quả) của lửa.
 - c. Thỉnh thoảng bạn sẽ tìm thấy một loạt từ song song đồng nghĩa bắt chọt lên đến điểm cao nhất trong một câu mới là câu sẽ làm cho trọn vẹn ý tưởng này.

d. Đọc Thi-thiên 2:1-6.

3. Cách tôi viết song song tương phản

- Điều này nhấn mạnh một lẽ thật bởi sự tương phản và rất phổ thông trong Châm-ngôn (Châm-ngôn 12:1-2; 5, 18).

B. Cách nói biểu tượng

1. Chúng ta hãy xem lại Thi-thiên 2.
2. Đọc Thi-thiên 2:3,4.
3. Thi-thiên 23:1-4.
4. Hãy nhớ rằng khi bạn đọc đến thơ văn trong Cựu Ước, bài thơ thường sử dụng ngôn từ theo lối đặc biệt, chớ không phải nghĩa đen.
 - a. Tay của Đức Chúa Trời, mắt của Đức Chúa Trời, là các lời nói theo biểu tượng.
 - b. Chúa Jêsus nói: “Đức Chúa Trời là thần.”
 - c. Thi-thiên 139:7-10: Đức Chúa Trời Đấng vô sở bất tại.

5. Thi-thiên 110:1.

“Đức Giê-hô-va phán cùng Chúa tôi rằng: Hãy ngồi bên hữu ta, cho đến chừng ta đặt kẻ thù nghịch người làm bê chơn cho người”. Bê chơn diễn tả sự thất bại hoàn toàn và sự khuất phục; bên hữu diễn tả một nơi vinh dự.

6. Ê-sai 40:22.

“Chính Ngài là Đấng giương các từng trời ra như cái màn, và giương ra như trại để ở.”
 Khó có thể là nghĩa đen được!

7. Ê-sai 40:12 (BIỂU LỘ BẰNG NHỮNG CỬ CHỈ).

“Ai đã lấy lòng bàn tay mà lường biển, lấy gang tay mà đo các từng trời? Ai đã lấy đấu mà đong bụi đất? Ai đã dùng cân mà cân núi và dùng thăng bằng mà cân gò?”

8. Ê-sai 40:15.

“Kìa, các dân tộc khác nào một giọt nước ở trong thùng, và kể như là một mảy bụi rơi trên cân”.

Thi-thiên 102:25-27.

“Vì các từng trời là một cái màn, một cái trại (lều), một bộ quần áo.”

C. Sự biểu lộ cảm xúc

Đặc điểm khác của thơ Hê-bơ-rơ là sự biểu lộ cảm xúc mạnh mẽ của nó. Các tác giả truyền đạt những cảm xúc rất mạnh mẽ của họ về sự vui mừng, về nỗi tuyệt vọng, về những lời kêu cứu về lẽ công bình. Bạn phải nhớ điều này khi bạn đọc các Thi-thiên. Chúng ta nói rằng “Điều này thật sự là điều mà bạn sẽ cảm thấy khi bạn đang ở trong hoàn cảnh này”.

1. Một vài Thi-thiên cũng là những lời tiên tri (Thi-thiên 22).
2. Đa-vít là một vị tiên tri cũng như một nhà thơ.

III. SỰ KHÔN NGOAN VÀ TRỊ VÌ CỦA SALÔMÔN

- Đa-vít là một người của chiến trận, nhưng Sa-lô-môn là một người của hòa bình.

A. Sự khôn ngoan của Sa-lô-môn

1. Khôn ngoan trong việc phán xét (I Các Vua 3:28).
2. Khôn ngoan trong quan điểm chính trị (I Các Vua 5:12).
 - a. Trong vòng dân sự của riêng ông để thi hành công lý.
 - b. Trong những mối quan hệ quốc tế.
3. Đền thờ và cung điện
 - a. Sự kêu gọi, sự giàu có, hôn nhân, sự sa ngã.
 - b. Tạo nên một tầng lớp quý phái (ảnh hưởng vai trò của phụ nữ).
 - c. Bị đoán phạt bởi Đức Chúa Trời (trong I Các Vua 11): Vương quốc bị phân chia.

B. Văn chương khôn ngoan

1. Châm-ngôn 26:17 “*Kẻ nào đi qua đường mà nổi giận về cuộc cãi lầy không can đến mình, khác nào kẻ nắm con chó nơi vành tai*”
2. Châm-ngôn 20:20 “*Ngọn đèn của kẻ rửa cha mẹ mình sẽ tắt giữa vùng tăm tối mù mịt*”.
3. Châm-ngôn 11:1 “*Cây cân giả lấy làm gồm ghiếc cho Đức Giê-hô-va; nhưng trái cân đúng được đẹp lòng Ngài.*”
4. Vì thế mà chúng ta có được thơ và văn chương khôn ngoan.

THẢO LUẬN NHÓM

1. Thảo luận về hậu quả của việc bị cô lập khỏi những người như đức được bày tỏ.
2. Ôn lại đời sống của Đa-vít. Thảo luận điều gì khiến cho ông tìm kiếm Đức Chúa Trời mặc dù ông có những thất bại lớn.
3. Thảo luận vai trò mà tình yêu của người phụ nữ góp phần trong mối quan hệ giữa Sa-lô-môn với Đức Chúa Trời và bài học rút ra từ điều này.

TỰ NGHIÊN CỨU

1. So sánh và đối chiếu những điểm khác nhau giữa Sau-lơ và Đa-vít. Những điểm giống và khác nhau nào mà bạn có thể tìm thấy trong hai sách Các Vua?

NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG TỰ:

NHỮNG ĐIỂM KHÁC NHAU:

3. Nghiên cứu Thi-thiên 114 và thực tập cách viết song hành của thơ Hê-bơ-rơ. Loại cách viết song hành nào được dùng trong Thi-thiên? Thực hành từng câu trên trang giấy khác.

CỰU ƯỚC LƯỢC KHẢO

PHẦN 9: VĂN CHƯƠNG KHÔN NGOAN, SỰ PHÂN CHIA VÀ CUỘC LƯU ĐÀY

LỜI GIỚI THIỆU

Chúng ta đã chấm dứt bài học trước khi nói về vua Sa-lô-môn. Vị vua được nổi đặc biệt với hai điều. Thứ nhất là công cuộc xây dựng đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Thứ hai là vua nhận được sự khôn ngoan. Khôn ngoan trong đường lối chính trị, trong việc cai trị, đoán xét và cả trong các câu châm ngôn và thơ văn.

Sách Truyền-đạo được liên kết với tên của vua Salômôn, và cũng là một sách rất quan trọng trong thời kỳ lịch sử này. Một người tìm kiếm câu giải đáp cho đời sống và tìm kiếm nó trong việc xây dựng những đề án vĩ đại, trong khoái lạc thể xác, trong tất cả mọi lãnh vực của cuộc đời mà người đó có thể nghĩ ra được. Và rồi lúc nào cũng kết thúc trong sự hư không, vô nghĩa. Cuộc đời quả thật chẳng thỏa lòng chút nào!

Cuối cùng người ấy kết luận. Điều quan trọng nhất trong cuộc đời chính là làm theo ý muốn của Thượng Đế. Nhưng đây không phải là cuối cùng, đó chỉ là khởi đầu của sự khôn ngoan. Đó cũng chính là chủ đề của sách Truyền Đạo. Thành ngữ “dưới mặt trời” là câu chìa khóa của sách.

Nếu bạn tìm kiếm sự thoả lòng “dưới mặt trời”, bạn sẽ chẳng bao giờ tìm được. Bạn phải vượt lên khỏi ánh mặt trời để đến với chính Đấng Tạo Hóa vĩ đại.

Sách Gióp là một sách khác trong văn chương khôn ngoan.

DÀN Ý BÀI HỌC

I. SÁCH GIÓP

- Không ai biết chính xác sách Gióp được viết vào thời gian nào, nhưng sách mô tả một hoàn cảnh trong lịch sử rất cổ xưa, có lẽ vào thời kỳ của tộc trưởng, Áp-ra-ham và Y-sác.

A. Ông Gióp là người công bình chịu nhiều khốn khó cùng cực.

1. Đức Chúa Trời cho phép ông Gióp trải qua thời kỳ thử nghiệm.
2. Nhưng có điểm sai lầm về mặt thần học của ông Gióp.
3. Thần học của ông là: “Nếu tôi làm điều đúng tôi sẽ được đổi đảo sức khoẻ và của cải dư dật. Nếu tôi làm điều sai trái, những việc tồi tệ sẽ xảy đến với thân thể và của cải của tôi”.
4. Vì vậy vấn nạn đã xảy ra khi Đức Chúa Trời cho phép ông Gióp trải qua thời kỳ thử nghiệm.
5. Ông mất tất cả mọi thứ mà không phạm tội.
 - Quan niệm đặc thù của ông về Đức Chúa Trời không trùng với kinh nghiệm của ông.

B. Các bạn của ông Gióp.

Họ có cùng quan niệm về Đức Chúa Trời như ông Gióp.

1. Ê-li-pha là người hiền lành, nhân từ trong đường lối mình, nhưng sai lầm trong giáo lý.
2. Binh-đát là một người theo chủ nghĩa luật phát tôn giáo.
3. Xô-pha là người thành tâm với giáo điều.
 - Tất cả đều có cùng một lập trường quan điểm.
4. Ê-li-hu muốn sửa sai mọi người, nhưng ông chẳng có điều gì mới để thêm vào.

C. Quan điểm thần học của ông Gióp đã thay đổi.

1. Nhiều người vô tội chịu khốn khổ.
2. Nhiều kẻ áp bức được giàu có dư dật.
3. Đức Chúa Trời ban phước cho con người, nhưng không nhất thiết lúc nào cũng ban phước.
4. Khi điều bất hạnh xảy đến, thì bất hạnh không nhất thiết là kết quả của tội lỗi.
5. Đức Chúa Trời thi hành sự công bình.

B. Câu giải đáp của Đức Chúa Trời.

1. Cho ông Gióp.
2. Cho các bạn của ông Gióp: Họ phải ăn năn và ông Gióp phải làm người cầu thay cho họ.
3. Đức Chúa Trời chữa lành cho Gióp và đem đến cho ông nhiều phước hạnh.
4. Ông Gióp đã học tin cậy Đức Chúa Trời một theo một phương cách mới mẻ.

II. THỜI KỲ PHÂN CHIA 931 TC

- Sự không vâng lời của vua Sa-lô-môn; lòng kiêu ngạo.
- Điều này dẫn đến việc phân chia vương quốc sau khi vua Sa-lô-môn băng hà.

A. Vương quốc Y-sơ-ra-ên và Giu-đa.

1. Y-sơ-ra-ên trong thế kỷ thứ 9 TC.

- a. Các vị vua hầu hết không cùng một dòng họ. Những năm đầu bất ổn. Sau đó vua Ôm-ri thiết lập quyền cai trị vững vàng và xây dựng thành Sa-ma-ri thành một thủ đô đối địch với Giê-ru-sa-lem.
 - b. Vua A-háp – hoàng hậu Giê-sa-bên người Ca-na-an, tiên tri Ê-li.
 - c. Vua Ôm-ri.
 - d. Vua A-háp.
 - e. Vua A-cha-xia (I Các Vua 22:40) Em trai vua A-cha-xia, vua Giô-ram (II Các Vua 1:17).
 - f. Hành động táo bạo của Giê-hu (841 TC.) chống lại sự thờ thần tượng và thần Ba-anh, nhưng ông không phải là người công chính. Giê-hu sáng lập một triều đại kéo dài 5 đời vua. Đến thế kỷ thứ 8 TC vương quốc Y-sơ-ra-ên lại rơi vào tình trạng bất ổn.
2. Vương quốc Y-sơ-ra-ên trong thế kỷ thứ 8 TC.
 - a. Sự dấy lên của A-sy-ri: chế độ triều cống, cuộc lưu đày.
 - b. Các tiên tri: A-mốt, Ô-sê, Mi-chê.
 - c. Đọc câu đầu tiên của các sách này để biết khi họ đã nói tiên tri.
 - i. Năm 733TC. III Tiếc-lác Phi-lê-se, phần lớn dân sự bị trục xuất.
 - ii. Năm 722 TC. Sa-ma-ri bị tàn phá.
 - iii. Cuối đời vua V Sanh-ma-na-se và bắt đầu đời vua II Sa-gôn.

B. Vương quốc Giu-đa.

1. Vương quốc Giu-đa có hai lợi thế:
 - a. Tất cả các vua đều cùng một dòng họ, một gia đình duy nhất, hoàng tộc nhà Đa-vít. Điều này có thể đem lại cho họ nền chính trị ổn định hơn.
 - b. Thủ đô là Giê-ru-sa-lem, vì thế đền thờ của Đức Chúa Trời và các thầy tế lễ thuộc chi phái Lê-vi chiếm vị trí trung tâm trong sinh hoạt của dân tộc. Điều này có thể phải khiến họ khó sa ngã về mặt tôn giáo. Nhưng đáng buồn thay là các vua Giu-đa bị pha trộn. Một số làm điều thiện, và một số làm điều ác.
2. Tôi chỉ đề cập đến ba đời vua: Ê-xê-chia, Ma-na-se và Giô-si-a.
 - a. Ê-XÊ-CHIA (II Các vua 18:5-7).
 - b. MA-NA-SE, người trái ngược với vua cha mình (II Các vua 21:3, 6, 7, 10-16).
 - c. GIÔ-SI-A (cháu nội của Ma-na-se) (II Các vua 22-23).
 - d. Tìm được Sách Luật pháp (I Các Vua 22).
 - e. Công cuộc cải cách vĩ đại (I Các vua 23:6-, 10-13).
 - f. Nhưng công cuộc cải cách của vua Giô-si-a đến quá trễ. Vương quốc Giu-đa bước vào giai đoạn cuối. Các vua kế vị vua Giô-si-a, hai con trai và em trai vua Giô-si-a, không phải là những người kính sợ Đức Chúa Trời như vua.
 - g. Đọc Giê-rê-mi 7:4 -Đừng nói: “Đây là đền thờ của Đức Giê-hô-va...”
 - h. Giê-rê-mi 19. Tiên tri Giê-rê-mi: Cái bình bể.

- i. SỰ NỔ DÂY CỦA BA-BY-LÔN. Nê-bu-cát-nết-sa tấn công A-sy-ri năm 616-609 TC.
- j. Sự sụp đổ của Ni-ni-ve năm 612 TC.
- k. Giô-si-a băng hà năm 609 TC.

THẢO LUẬN NHÓM

1. Thảo luận về các phương cách con người sử dụng để tìm câu trả lời cho các nan đề của đời sống trong thế giới ngày nay.
2. Kết quả sự tìm kiếm của con người là gì và thảo luận về giải pháp sau cùng.
3. Thảo luận về vấn nạn của ông Gióp, quan điểm thần học sai lầm của ông và quan điểm này gây trở ngại như thế nào cho Hội Thánh hiện đại.
4. Quan niệm đúng đắn của Cơ Đốc Nhân về sự chịu khổ là gì?
5. Cầu nguyện cho những người đang trải qua thời kỳ khó khăn giữa vòng các bạn.

TỰ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu về cuộc đời và thời trị vì của vua Xa-cha-ri trong II Các vua 18-20 và viết bảng tóm tắt theo sự trình bày sau:

1. Công cuộc cải cách thuộc linh của vua:
2. Bí quyết sự đắc thắng của vua trong chiến trận:
3. Tầm quan trọng của lời khuyên của người kính sợ Chúa:

CỰU ƯỚC LƯỢC KHẢO

PHẦN 10: LÀM PHU TÙ TẠI BA-BY-LÔN, TRỞ VỀ TỪ CUỘC LƯU ĐÀY VÀ CÁC TIÊN TRI

LỜI GIỚI THIỆU

Trong bài học trước, chúng ta chấm dứt tại chỗ vương quốc Giu-đa đang ở trong một tình trạng tồi tệ. Chúng ta đã xem thấy thế nào A-sy-ri trở nên đối địch với Y-sơ-ra-ên và cả đến Giu-đa. Rồi tiếp đến một thế lực mới nổi lên là Ba-by-lôn. Sau khi hủy phá Grinive, họ đi qua Đa-mách và đến Giê-ru-sa-lem, hơn một lần họ tấn công Giê-ru-sa-lem và cuối cùng hủy diệt Giê-ru-sa-lem. Họ cũng phá hủy đền thờ và đem dân Giu-đa qua Ba-by-lôn.

✧ DÀN Ý BÀI HỌC

I. SỰ HỦY PHÁ BỞI NGƯỜI BA-BY-LÔN

A. Năm 597 TC: Nê-bu-cát-nết-sa một lần nữa tiến đến Giê-ru-sa-lem.

Đôi khi những sự kiện mô tả trong Kinh Thánh được khảo cổ học minh chứng cách rõ ràng, ví dụ ngày thành Giê-ru-sa-lem thất thủ trong II Sử ký 36:10 ghi là vào mùa xuân được biên niên sử của Ba-by-lôn xác nhận là 16 tháng 3 năm 597 T.C. (ngày 7 tháng A-đa (th. 2). Thành phố chưa bị phá hủy nhưng dân cư bị lưu đày.

B. Năm 586 T.C.

1. Người Ba-by-lôn trở lại và hủy phá Giê-ru-sa-lem.
2. Giải thích về ảnh hưởng cuộc lưu đày của người Giu-đa tại Ba-by-lôn.
3. Sự thay đổi trong cơ cấu tôn giáo của họ. Không có đền thờ, nhưng dân chúng họp lại trong từng nhóm nhỏ để cầu nguyện – Nhà Hội.

II. ĐẾ QUỐC BA-TƯ, SỰ XÂM CHIẾM BA-BY-LÔN

- *“Vả, Đức Giê-hô-va phán như vậy: Khi bảy mươi năm sẽ mãn cho Ba-by-lôn, ta sẽ thăm viếng các người, sẽ làm trọn lời tốt lành cho các người, khiến các người trở về đất này”* (Giê-rê-mi 29:10)
- Ba-by-lôn sụp đổ vào tháng 10 năm 539 T.C.
- Vua Si-ru cho phép dân Giu-đa trở về xây dựng lại thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ.
- Từ tình trạng đền thờ Giê-ru-sa-lem bị hủy phá vào năm 587 T.C, sự dâng tế lễ được khôi phục tại đó vào năm 516 T.C, đúng 70 năm.

A. Sết-ba-xa, Xô-rô-ba-bên và thầy tế lễ thượng phẩm Giê-hô-sua.

1. Đọc Ê-xơ-ra 5:1. Chúng ta có một nhóm làm việc là những người lãnh đạo dân tộc.
2. A-ghê và Xa-cha-ri.
 - a. A-ghê 1:2, 4, 9
 - b. A-ghê 2:4
 - c. Xa-cha-ri 4:6, 7, 9, 10

B. Ê-xơ-tê

1. Giữa Ê-xơ-ra chương 6 và chương 7 có một khoảng gián đoạn là 59 năm.
2. *“Song nào ai biết rằng chẳng phải vì cơ cơ hội hiện lúc này mà người được vị hoàng hậu sao?”* (Ê-xơ-tê 4:14)

C. Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi

1. Ê-xơ-ra chương 7 ở vào khoảng năm 457 T.C.
2. Nê-hê-mi vào khoảng năm 444 T.C.
 - Sự xây dựng lại tường thành Giê-ru-sa-lem.

III. CÁC TIÊN TRI

A. Tiên tri là ai? Thế nào là tiên tri?

“Nabi” Người phát ngôn của Đức Chúa Trời.

Nhìn lại, nói thẳng ra, nhìn về phía trước

Họ không phải là những thầy bói nhưng là người rao giảng về sự công chính.

1. Các lời tiên tri, sự trung thành với giao ước và sự ăn năn.
 - a. Tiên tri Ô-sê cưới Gô-me, người cứ tái phạm tội tà dâm, trở thành gái điếm.
 - b. Ô-sê 3:1 “Một lần nữa, hãy đi...” 11:8a.
 - c. Ô-sê 14:1a, 4a.
2. Các lời tiên tri và xã hội công bằng.
 - a. Ê-sai 10:1-4.
 - b. A-mốt 2:6, 7.
 - c. A-mốt 5:12; 8:6.

B. Các lời tiên tri có điều kiện

- Các đỉnh núi của lời tiên tri và các thung lũng ở giữa.

- Sự việc sẽ xảy ra nhưng không nêu thời gian.
1. Ê-li, Ê-li-sê.
 - Giảng dạy nhưng không ghi chép lại lời tiên tri của mình.
 2. Các tiên tri ghi chép lại lời tiên tri của mình.
 - Sử ký, văn xuôi, thơ, ngôn ngữ tượng hình, ngôn ngữ tượng trưng, sự khởi đầu của sự khải thị.
- Ví dụ:
- a. Ê-xê-chi-ên 26, sự diệt vong của Ty-rơ.
 - b. Ê-sai 53, sự thương khó của Chúa Giêsu.
 - c. Giê-rê-mi 31:31 Giao Ước Mới, mối liên hệ sống động giữa Đức Chúa Trời và với bất cứ người nào.
 - d. Ê-xê-chi-ên 38, Gót và Ma-gót.
 - i. Trong mối liên hệ của giao ước mới, chúng ta kinh nghiệm sự “nhơn từ” của Đức Chúa Trời, tình yêu thương vững bền của Ngài. Đó là mối liên hệ của đức tin.
 - ii. Như vậy phước lành của Áp-ra-ham cũng đến trên người ngoại bang. Các phước lành mà Đức Chúa Trời đã hứa với Áp-ra-ham 4000 năm trước ở trong Chúa Cứu Thế Giêsu.

THẢO LUẬN NHÓM

1. Thế nào sự thay đổi trong cơ cấu tôn giáo của người Giu-đa trong thời kỳ lưu đày đã chuẩn bị cho phương cách rao truyền Phúc Âm của Hội Thánh đầu tiên.
2. Thảo luận về quan niệm sai lầm của dân chúng về các tiên tri và làm thế nào việc nghiên cứu Thánh kinh Cựu Ước có thể sửa đổi được quan niệm sai lầm này.
3. Thảo luận sự khác nhau giữa Giao ước cũ và Giao ước mới trong sách Giê-rê-mi 31:31.

TỰ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu thư Hê-bơ-rơ chương 8-10 và liệt kê vì sao Giao ước mới hoàn thiện hơn Giao ước cũ.